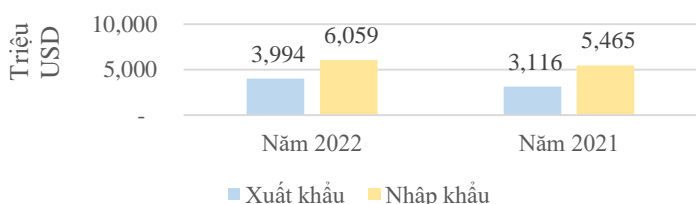


BÁO CÁO TÌNH HÌNH XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG LÂM THỦY SẢN

Thị trường ASEAN



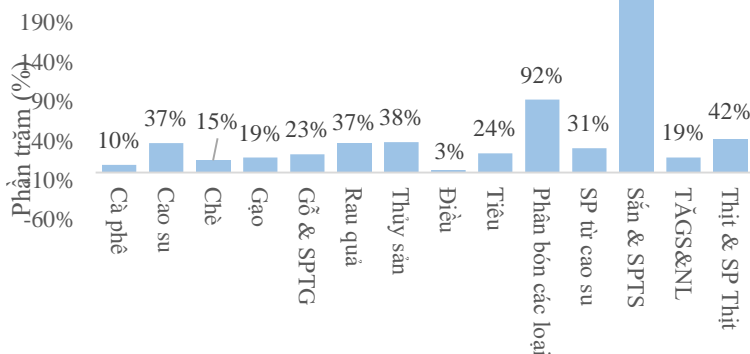
Xuất khẩu và nhập khẩu NLTS Việt Nam - ASEAN



So sánh xuất nhập khẩu NLTS Việt Nam – ASEAN (10T/ 2022 – 10T/ 2021)

Xuất khẩu ▲ 28,18%
Nhập khẩu ▲ 10,87%

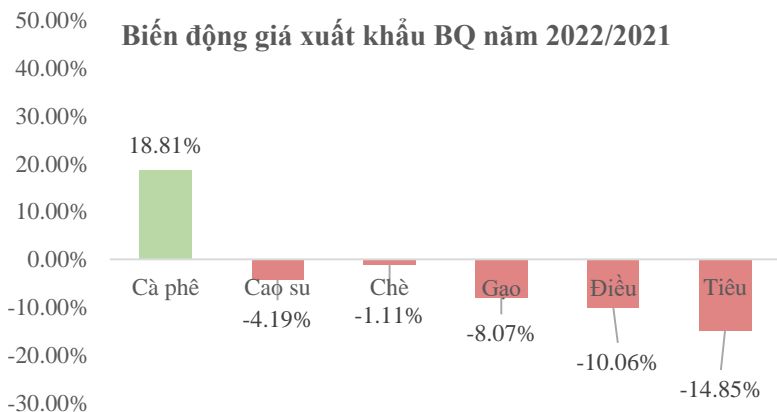
Biến động Kim ngạch xuất khẩu NLTS chính của Việt Nam sang ASEAN năm 2022/21



So sánh 9T-2022/ 2021

Cà phê ▲ 09,60%
Cao su ▲ 37,40 %
Chè ▲ 15,47 %
Gạo ▲ 18,79 %
Gỗ và SP Gỗ ▲ 23,02 %
Rau quả ▲ 17,18 %
Thủy sản ▲ 38,33 %
Hạt điều ▲ 02,98 %
Hạt tiêu ▲ 24,34 %
Phân bón ▲ 92,39 %
SP từ cao su ▲ 30,77 %
Sản & SP sản ▲ 308,1%
TĂGS và NL ▲ 19,03%
Thịt và SPTT ▲ 42,00%

Biến động giá xuất khẩu BQ năm 2022/2021



So sánh giá xuất khẩu BQ T9-2022/2021

Cà phê ▲ 18,81%
Cao su ▼ 04,19%
Chè ▼ 01,11%
Gạo ▼ 08,07%
Hạt điều ▼ 10,06%
Hạt tiêu ▼ 14,85%

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH THỊ TRƯỜNG

10 tháng đầu năm, xuất khẩu nông lâm thủy sản (NLTS) của Việt Nam sang thị trường ASEAN chiếm 17,6% tổng xuất khẩu NLTS của Việt Nam. Giá trị xuất khẩu NLTS của Việt Nam sang các nước ASEAN đạt gần 4 tỷ USD, tăng 28,18% so với cùng kỳ năm 2021, trong khi nhập khẩu đạt 6,05 tỷ USD, tăng 10,87% so với cùng kỳ năm trước. Tính riêng tháng 10/2022, kim ngạch xuất khẩu NLTS đạt 392,15 triệu USD, tăng 13,91% so với tháng trước và giảm 0,11% so với cùng kỳ năm 2021.

Các mặt hàng xuất khẩu chủ yếu của Việt Nam sang ASEAN trong tháng 10/2022 là gạo (chiếm 41%), thủy sản (chiếm 16%), hàng rau quả (chiếm 9 %); phân bón các loại (chiếm 9%); cà phê (chiếm 7%). So với tháng 10/2021, có 5/13 mặt hàng NLTS có kim ngạch xuất khẩu tăng, cao nhất là sắn và các sản phẩm từ sắn (tăng 260%), chè (tăng 59,96%); rau quả (tăng 40,08%); sản phẩm từ cao su (tăng 19,32%)... 8/13 mặt hàng có xu hướng giảm, giảm mạnh nhất là cao su (giảm 40,85%); cà phê (giảm 19,30%); hạt tiêu (giảm 18,64%)....*Chi tiết tại phụ lục đính kèm).*

Trong Hội nghị cấp cao ASEAN, Việt Nam đã có buổi gặp mặt và trao đổi với Philipin. Trong đó, lãnh đạo hai nước đã bày tỏ hài lòng chứng kiến quan hệ Đối tác Chiến lược Việt Nam – Philippines phát triển tốt đẹp dù gặp nhiều khó khăn do đại dịch Covid-19; đặc biệt đánh giá cao việc hai bên duy trì hiệu quả các hoạt động tiếp xúc, trao đổi cấp cao. Việt Nam cũng đã đề nghị hai nước tăng cường giao thương, trong đó có thương mại gạo; xem xét gỡ bỏ các rào cản không cần thiết, tạo môi trường kinh doanh và đầu tư thuận lợi cho doanh nghiệp của nhau, thúc đẩy thương mại nông sản, nhất là các mặt hàng có giá trị gia tăng cao... Phía Philipin cũng đã tỏ ra tán thành với những đề xuất từ phía Việt Nam và khẳng định mối quan hệ bền vững giữa hai bên trong tương lai.

Chính phủ Thái Lan đã thông qua 81,2 tỷ baht (tương đương 55,9 nghìn tỷ đồng) hỗ trợ cho ngành lúa gạo trong niên vụ 2022-2023. Trong đó, 55 tỷ baht (khoảng 37,9 nghìn tỷ đồng) chiếm 68% ngân sách trên sẽ được sử dụng để xây dựng dự án quản lý và phát triển chất lượng gạo được sản xuất bởi 4,68 triệu nông hộ của Thái Lan. Tiếp đó, khoảng 18,7 tỷ baht (khoảng 12,9 nghìn tỷ đồng) chiếm 23% ngân sách trên sẽ được sử dụng để trả chênh lệch giữa giá thị trường và giá đảm bảo. Số ngân sách còn lại sẽ được sử dụng với mục đích ổn định giá gạo và tín dụng hỗ trợ nông dân chậm đưa lúa gạo ra thị trường. Ngoài ra, chính phủ cũng đặt mục tiêu sẽ xuất khẩu 7,5 triệu tấn gạo trong năm 2023.

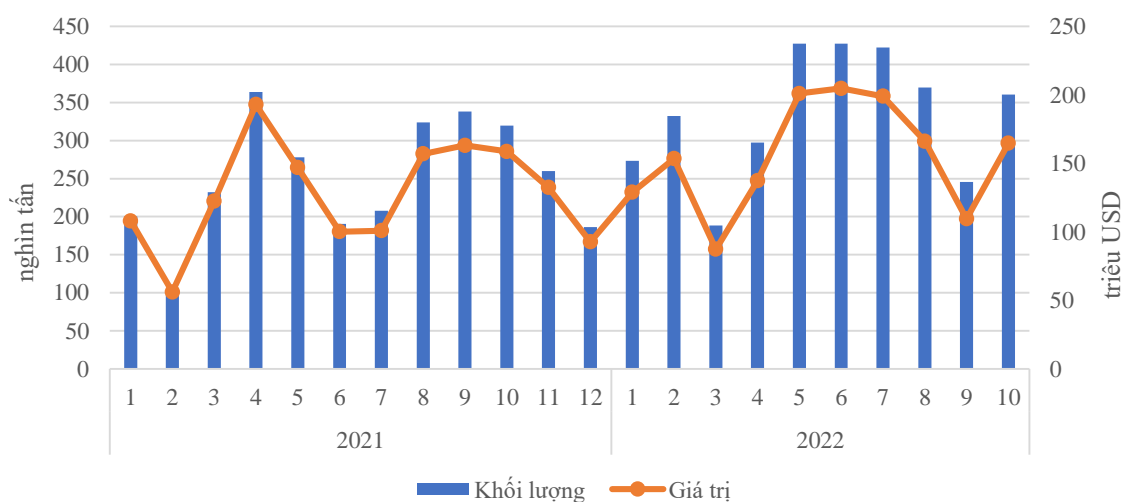
Ngày 9/11, nhân của Campuchia đã chính thức được xuất khẩu nhãn sang thị trường Trung Quốc, đánh dấu một sự hợp tác hiệu quả khác trong lĩnh vực nông nghiệp giữa hai nước. Hiện Campuchia đang xúc tiến đẩy mạnh xuất khẩu hồ tiêu, thủy sản đánh bắt, thủy sản nuôi trồng, yến sào, dừa các loại sang thị trường Trung Quốc.

CÁC MẶT HÀNG XUẤT KHẨU CHỦ LỰC

1. LÚA GẠO

Theo Tổng cục Hải quan, trong tháng 10/2022, Việt Nam xuất khẩu được 360,5 nghìn tấn gạo, trị giá 164,7 triệu USD sang thị trường ASEAN, tăng 46,7% về khối lượng và 50,4% về giá trị so với tháng trước; và tăng 12,7% về khối lượng và 3,7% về giá trị so với cùng kỳ năm 2021. Tổng kim ngạch xuất khẩu sang thị trường này trong 10 tháng đầu năm 2022 đạt gần 3,3 triệu tấn, trị giá 1,6 tỷ USD, tăng 30,7% về khối lượng và 18,8% về giá trị so với cùng kỳ 2021.

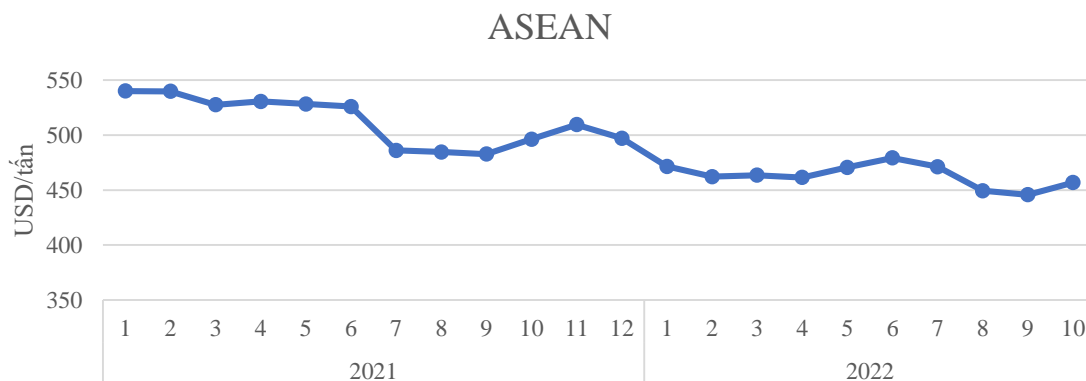
Hình 1. Khối lượng và giá trị xuất khẩu gạo sang thị trường ASEAN



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Giá xuất khẩu gạo trung bình sang thị trường ASEAN tháng 10/2022 đạt 456,8 USD/tấn, tăng 2,5% so với tháng trước nhưng giảm 8,0% so với cùng kỳ năm 2021.

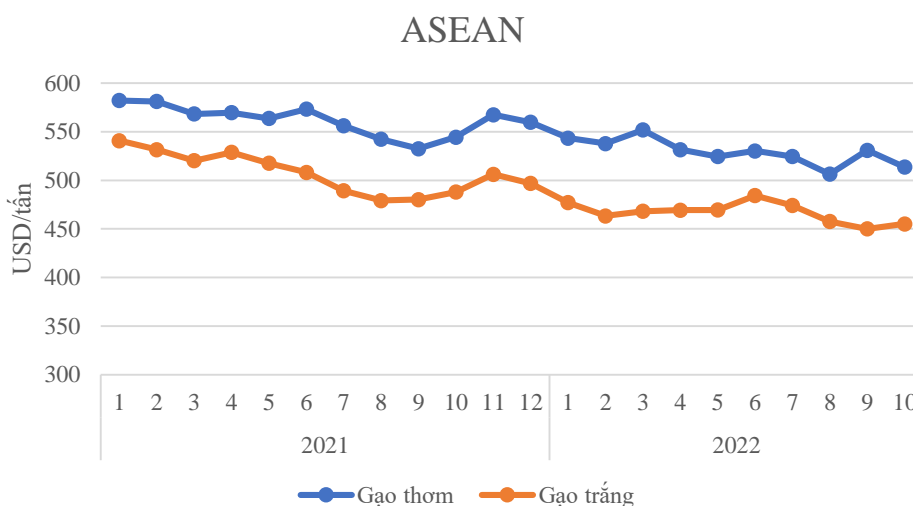
Hình 2. Giá gạo xuất khẩu trung bình sang thị trường ASEAN



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 10/2022, gạo trắng là mặt hàng xuất khẩu chủ yếu của Việt Nam sang ASEAN đạt 267,0 nghìn tấn, trị giá 119,7 triệu USD, chiếm 74,9% về khối lượng và 72,7% về giá trị; so với cùng kỳ năm ngoái, xuất khẩu gạo trắng sang ASEAN đã tăng 39,6% về khối lượng và 26,8% về giá trị. Giá gạo trắng tháng 10/2022 đạt trung bình 455,2 USD/tấn, tăng 1,1% so với tháng trước nhưng giảm 6,7% so với cùng kỳ năm ngoái.

Hình 3. Giá một số loại gạo xuất khẩu sang thị trường ASEAN



Nguồn: Tổng cục Hải quan

2. RAU QUẢ

Theo đại diện Bộ Nông nghiệp và Công nghiệp Thực phẩm Malaysia, xuất khẩu dứa của nước này dự kiến sẽ tăng trưởng với tốc độ 5%/năm. Thu nhập hàng tháng của người trồng dứa có thể đạt từ 5.000 RM đến 8.000 RM/ha (1.050-1.680 €) tùy theo nhu cầu nhập khẩu từ nước ngoài.

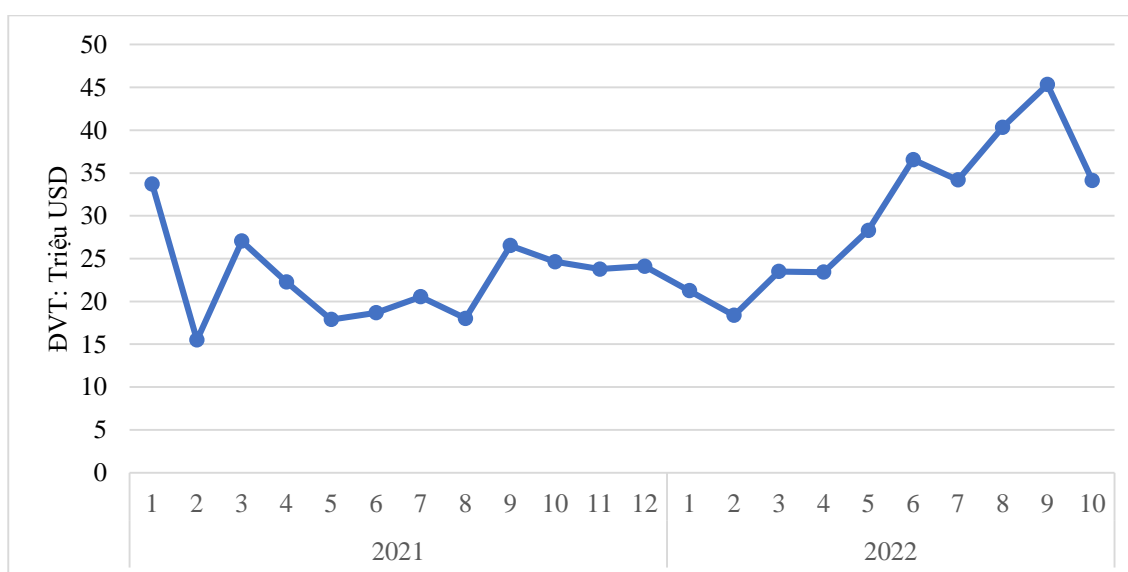
Thái Lan đặt mục tiêu xuất khẩu trái cây trị giá 200 tỷ baht (hơn 5 tỷ USD) vào năm 2023. Trung Quốc vẫn là thị trường xuất khẩu lớn nhất của Thái Lan, chiếm 84,75% tổng lượng trái cây xuất khẩu. Các thị trường trọng điểm khác lần lượt bao gồm Malaysia, Indonesia, Việt Nam, Hàn Quốc và Hoa Kỳ. Ngoài ra, trong năm tới, Thái Lan dự kiến sẽ mở rộng xuất khẩu thêm nhiều loại trái cây sang một số thị trường sau khi hoàn tất đàm phán.

Chính phủ Philippines đang xem xét nhập khẩu 7.000 tấn hành đỏ sau khi giá bán lẻ trong nước đạt 5,2 USD/kg, cao hơn nhiều so với giá đề xuất 2,96 USD/kg. Vụ thu hoạch hành mới sẽ bắt đầu từ tháng 2 - 3/2023, do đó việc nhập khẩu sẽ không ảnh hưởng đến sản xuất trong nước.

Giá trị xuất khẩu sầu riêng tươi của Thái Lan sang Trung Quốc trong tháng 10/2022 đạt 271 triệu CNY (37,6 triệu USD) - mức thấp nhất từ tháng 10/2019, giảm 41,2% so với cùng kỳ năm ngoái.

Giá trị xuất khẩu rau quả của Việt Nam sang thị trường ASEAN tháng 10 năm 2022 đạt 34,1 triệu USD, chiếm 11,0% tổng giá trị xuất khẩu, giảm 24,7% so với tháng trước và tăng 38,5% so với cùng kỳ năm 2021. Tính chung 10 tháng đầu năm 2022, giá trị xuất khẩu rau quả sang thị trường này đạt 305,4 triệu USD, chiếm 11,1% thị phần, tăng 35,8% so với cùng kỳ năm 2021.

Hình 4. Giá trị xuất khẩu rau quả sang thị trường ASEAN

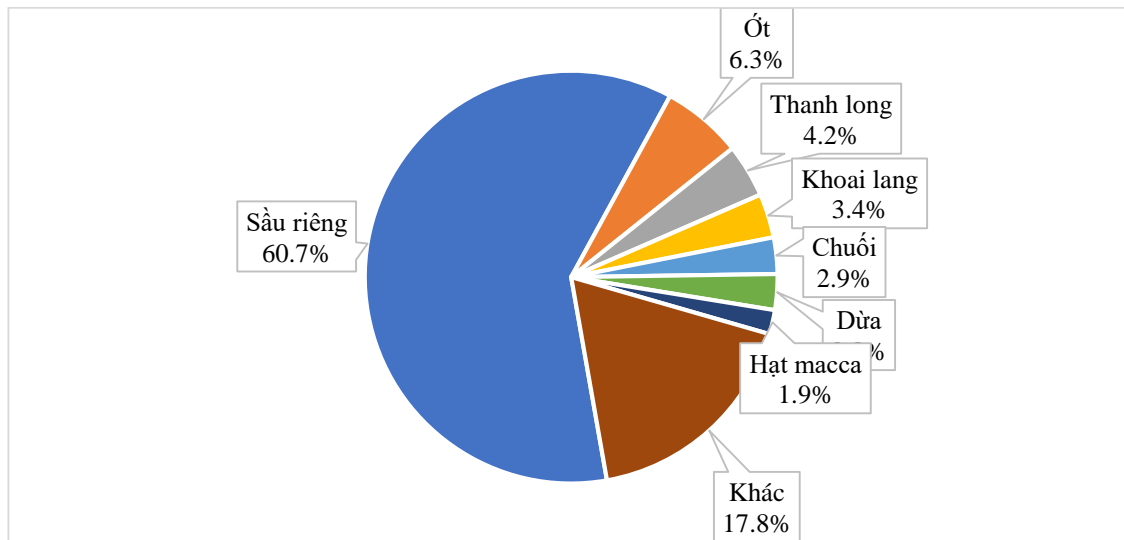


Nguồn: Tổng cục Hải quan

Cơ cấu xuất khẩu rau quả của Việt Nam sang ASEAN tháng 10 năm 2022, mặt hàng rau quả tươi, khô, đông lạnh, sơ chế đạt 30,8 triệu USD (chiếm 90,3% thị phần, tăng 42,2% so với cùng kỳ năm 2021) và mặt hàng rau quả chế biến đạt 3,3 triệu USD (chiếm 9,7% thị phần), tăng 11,7%, trong đó: (i) rau chế biến (không đông lạnh – Mã HS:2005) đạt 1,3 triệu USD, tăng 164,2% so với cùng kỳ năm trước; (ii) trái cây đông lạnh, sấy khô, dẻo (Mã HS: 2008) đạt 1,1 triệu USD, giảm 18,6%; (iii) trái cây ngâm, cô đặc, mút dẻo (Mã HS: 2007) đạt 463 nghìn USD, tăng 40,4%; v.v.

Trong tháng 10 năm 2022, các mặt hàng rau quả có giá trị xuất khẩu sang ASEAN nhiều nhất bao gồm: sầu riêng đạt 20,7 triệu USD (chiếm 60,7% tổng giá trị xuất khẩu), tăng 110,0% so với cùng kỳ năm 2021; ớt đạt 2,2 triệu USD (chiếm 6,3%), tăng 4,0%; thanh long đạt 1,4 triệu USD (chiếm 4,2%), tăng 27,9%; khoai lang đạt 1,2 triệu USD (chiếm 3,4%), giảm 41,1%; chuối đạt 974,3 nghìn USD (chiếm 2,9%), tăng 64,8%; v.v.

Hình 5. Cơ cấu rau quả chính xuất khẩu sang ASEAN tháng 10/2022



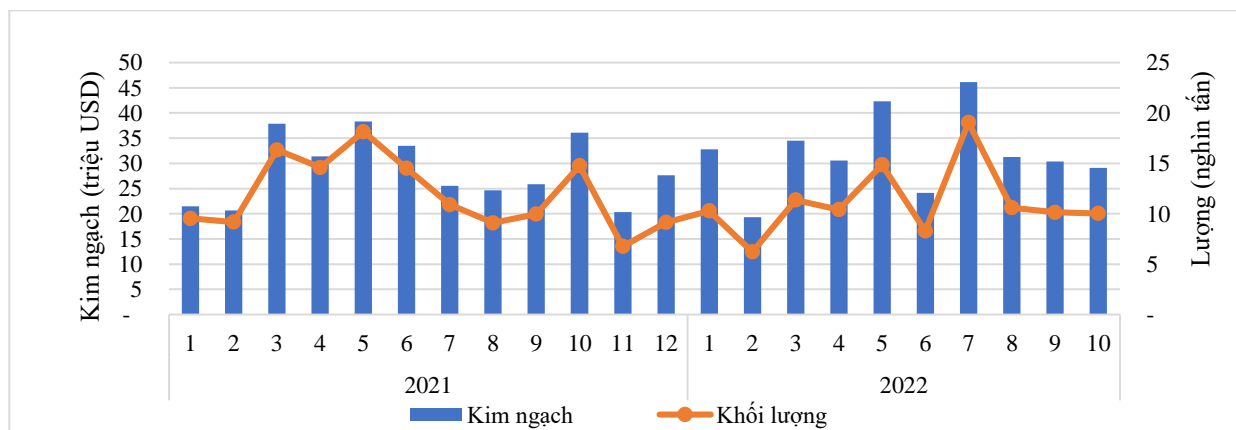
Nguồn: Tổng cục Hải quan

Giá trị nhập khẩu rau quả của Việt Nam từ thị trường ASEAN tháng 10 năm 2022 đạt 19,1 triệu USD, chiếm 8,9% tổng giá trị nhập khẩu, giảm 1,7% so với cùng kỳ năm 2021. Tính chung 10 tháng đầu năm 2022, giá trị nhập khẩu rau quả từ thị trường này đạt 226,3 triệu USD, chiếm 13,5% thị phần, tăng 16,8% so với cùng kỳ năm 2021. Trong tháng 10/2022, sản phẩm rau quả Việt Nam nhập khẩu nhiều nhất từ thị trường này là: đậu xanh đạt 9,9 triệu USD (chiếm 51,7%), tăng 5,3% so với cùng kỳ năm 2021; xoài đạt 1,8 triệu USD (chiếm 9,3%), giảm 16,0%; nhãn đạt 800,8 nghìn USD (chiếm 4,2%), giảm 41,3%; v.v.

3. CÀ PHÊ

Xuất khẩu cà phê của Việt Nam sang thị trường ASEAN tháng 10/2022 ước đạt 10,0 nghìn tấn với trị giá 29,1 triệu USD, giảm 1,1% về lượng và 4,3% về giá trị so với tháng trước, và giảm 32,1% về lượng và 19,3% về giá trị so với cùng kỳ năm trước.

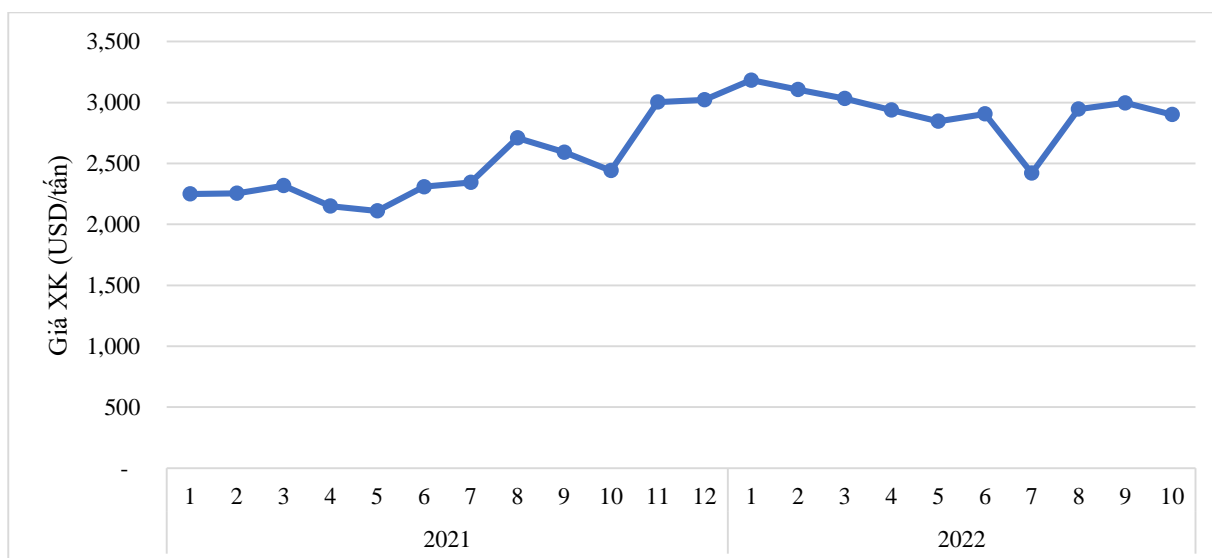
Hình 6. Khối lượng và giá trị cà phê xuất khẩu sang thị trường ASEAN



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Giá xuất khẩu bình quân cà phê Việt Nam sang ASEAN tháng 10/2022 đạt 2.902 USD/tấn, giảm 3,2% so với tháng trước và tăng 18,8% so với cùng kỳ năm trước.

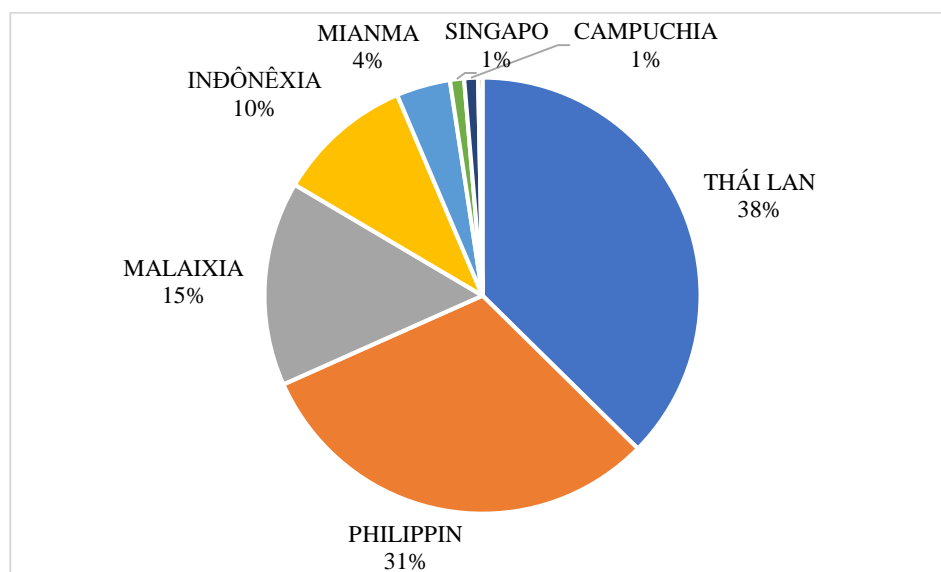
Hình 7. Giá cà phê xuất khẩu bình quân sang thị trường ASEAN



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 10/2022, Thái Lan là quốc gia nhập khẩu cà phê lớn nhất của Việt Nam với 10,9 triệu USD, chiếm 37,4% tổng kim ngạch xuất khẩu cà phê của Việt Nam sang thị trường ASEAN. Phillipin là quốc gia nhập khẩu lớn thứ hai với 9,0 triệu USD, chiếm 30,9%. Tiếp theo là Malaysia, Indonesia và Myanma chiếm lần lượt 15,2%, 10,1% và 4,0% trong tổng kim ngạch cà phê xuất khẩu sang thị trường ASEAN.

Hình 8. Cơ cấu xuất khẩu cà phê sang các quốc gia thị trường ASEAN

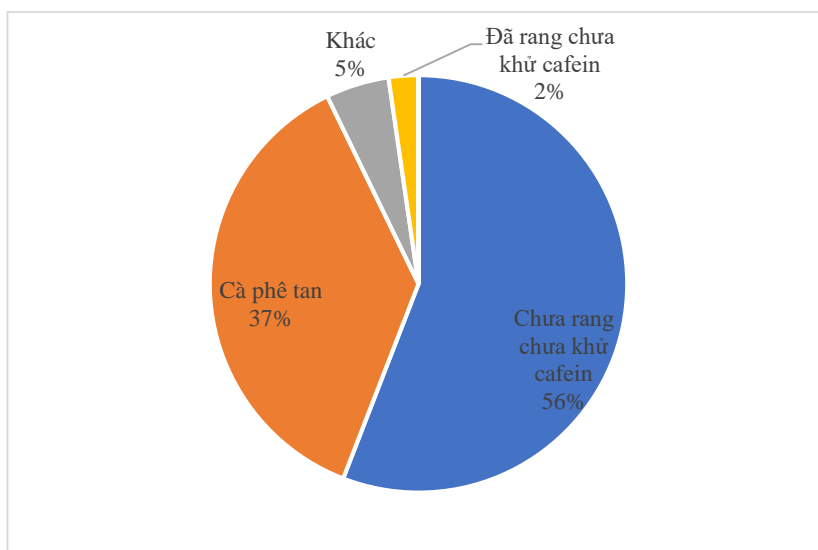


Nguồn: Tổng cục Hải Quan

Trong tháng 10/2022, cà phê chưa rang chưa khử cafein là loại cà phê có giá trị xuất khẩu lớn nhất sang thị trường ASEAN đạt 16,3 triệu USD, chiếm 55,9% tổng giá trị

xuất khẩu. Đứng thứ hai là cà phê tan với kim ngạch 10,7 triệu USD, chiếm 36,9% tổng giá trị xuất khẩu. Tiếp theo là cà phê đã rang chưa khử cafein chiếm 2,3% tổng giá trị xuất khẩu sang ASEAN.

Hình 9. Chủng loại cà phê xuất khẩu sang ASEAN theo kim ngạch tháng 10/2022

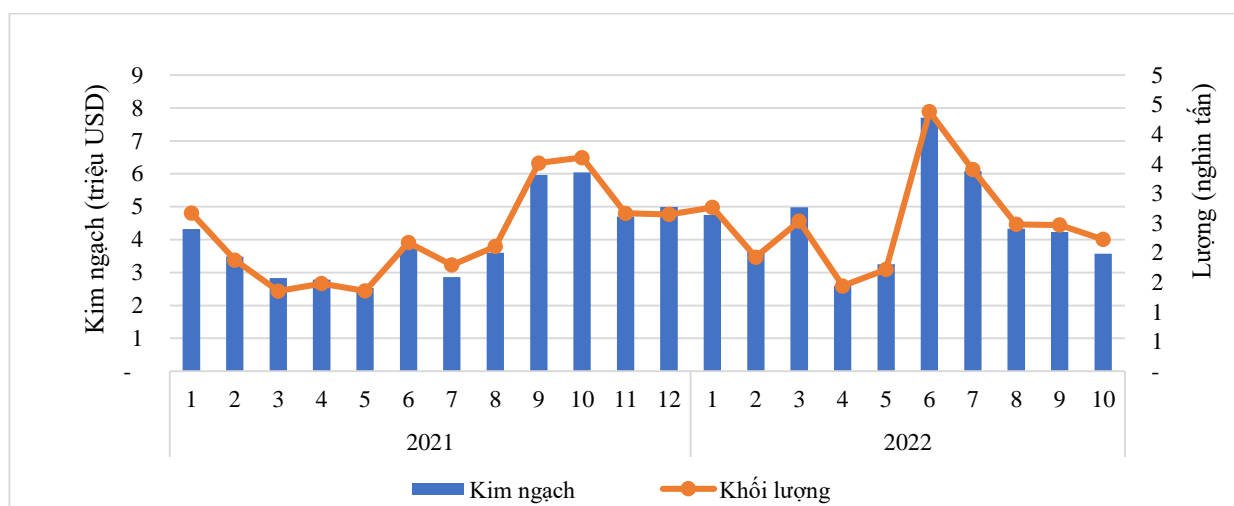


Nguồn: Tổng cục Hải quan

4. CAO SU

Theo Tổng cục Hải quan, tháng 10/2022, xuất khẩu cao su sang các quốc gia ASEAN ước đạt 2,2 nghìn tấn với trị giá 3,6 triệu USD, giảm 9,8% về khối lượng và 15,7% về giá trị so với tháng trước. So với cùng kỳ 2021, giảm 38,3% về khối lượng và giảm 40,8% về giá trị.

Hình 10. Khối lượng và giá trị xuất khẩu cao su sang thị trường ASEAN

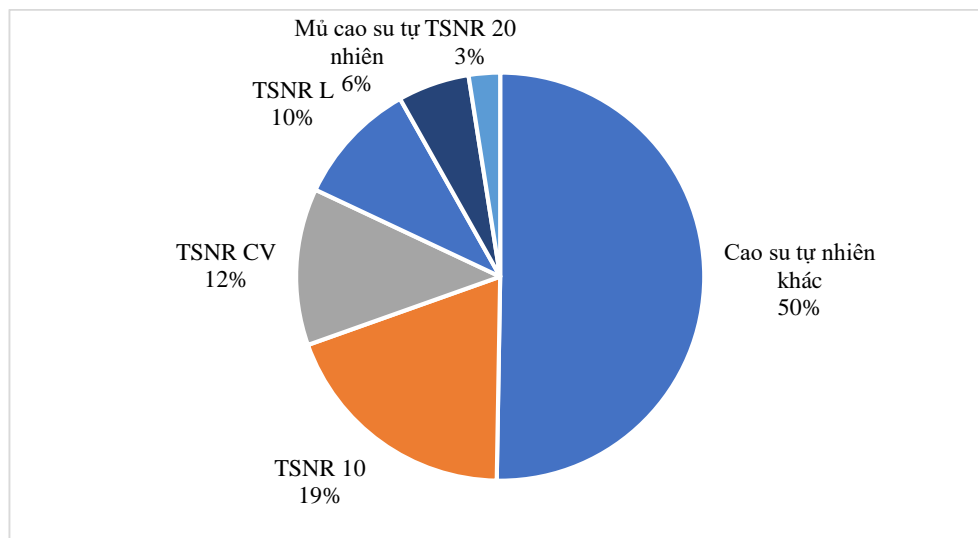


Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 10/2022, TRNR 10 là chủng loại cao su tự nhiên (mã HS 4001) có giá trị xuất khẩu lớn nhất sang các quốc gia ASEAN đạt 461,7 nghìn USD, chiếm 19,3%

tổng giá trị xuất khẩu. Đứng thứ hai là TSNR CV với kim ngạch 297,4 nghìn USD, chiếm 12,4% tổng giá trị xuất khẩu. Tiếp theo là TSNR L và mủ cao su tự nhiên chiếm lần lượt 9,8% và 5,7% tổng giá trị xuất khẩu. Cuối cùng là TSNR 20 chiếm 2,5% tổng xuất khẩu sang sang ASEAN.

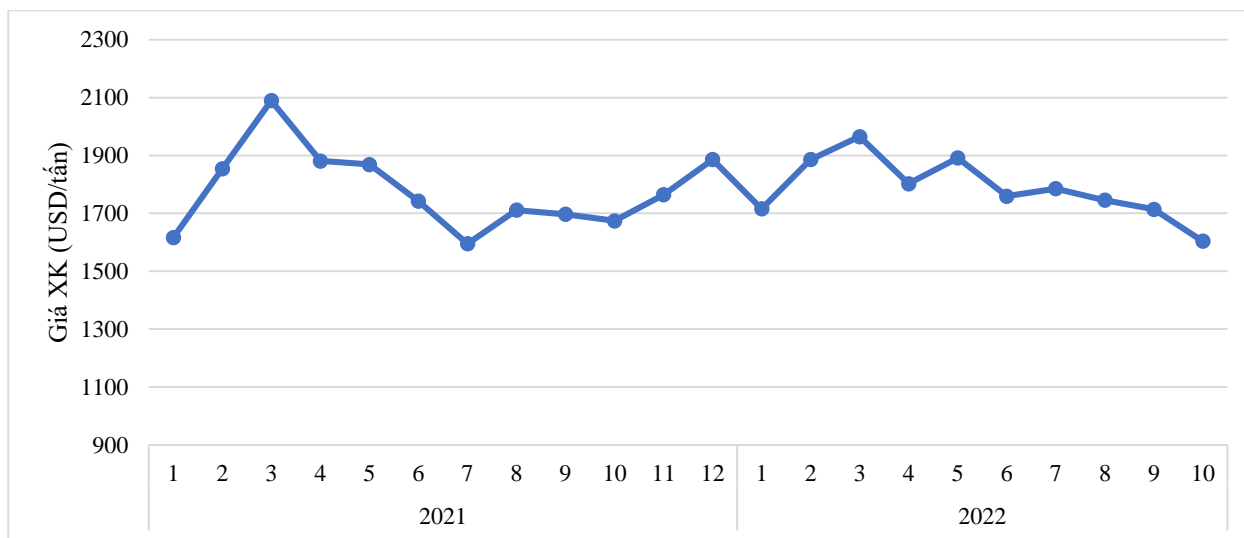
Hình 11. Chủng loại cao su tự nhiên (HS 4001) xuất khẩu sang ASEAN theo kim ngạch tháng 10/2022



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Giá cao su xuất khẩu trung bình sang các quốc gia ASEAN đạt mức 1.604 USD/tấn trong tháng 10/2022, giảm 6,5% so với tháng trước và giảm 4,2% so với cùng kỳ 2021.

Hình 12. Giá cao su xuất khẩu sang thị trường ASEAN

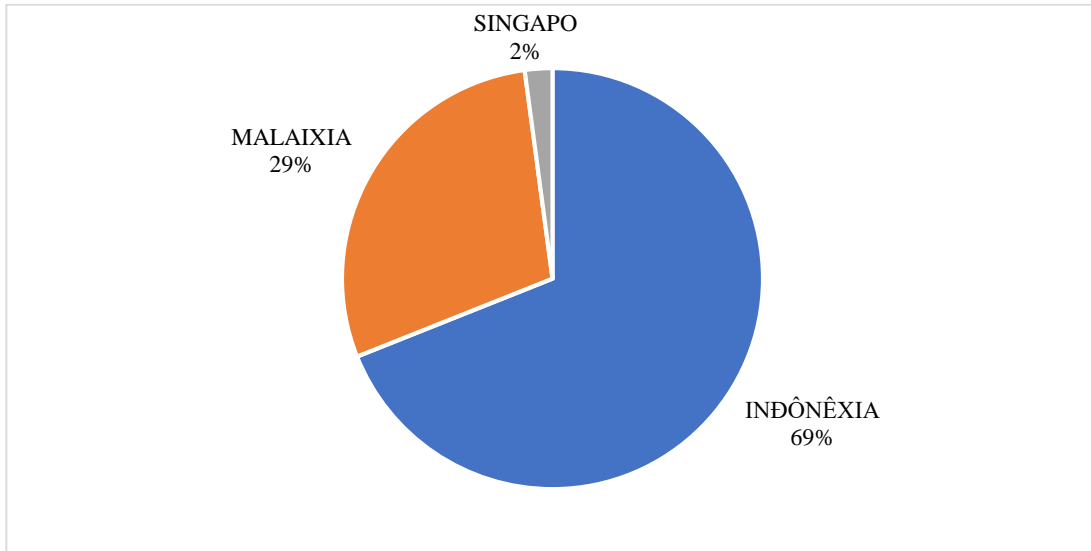


Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong khối ASEAN, tháng 10/2022, Indonesia là quốc gia nhập khẩu cao su tự nhiên lớn nhất của Việt Nam với 2,5 triệu USD, chiếm 69,0% tổng kim ngạch xuất khẩu cao su của Việt Nam sang các quốc gia ASEAN. Malaysia là quốc gia nhập khẩu lớn thứ

hai với 1,0 triệu USD, chiếm 28,9%, cuối cùng là Singapo với 75,6 nghìn USD chiếm 2,1%.

Hình 13. Xuất khẩu cao su sang một số thị trường chính trong thị trường ASEAN

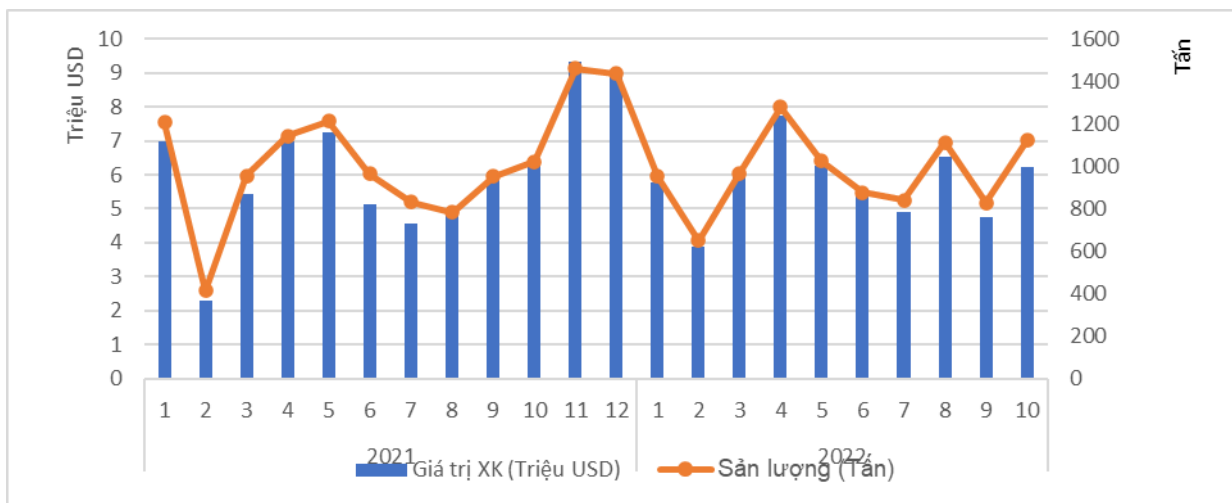


Nguồn: Tổng cục Hải quan

5. ĐIỀU

Theo Tổng cục Hải quan, trong tháng 10/2022, Việt Nam xuất khẩu được 1.123 tấn điều, trị giá 6,234 triệu USD sang thị trường ASEAN, tăng 35,6% về khối lượng và 31,5% về giá trị so với tháng trước; tăng 9,8% về khối lượng và giảm 1,3% về giá trị so với cùng kỳ năm 2021. Tổng kim ngạch xuất khẩu sang thị trường này trong 10 tháng đầu năm 2022 đạt 9.658 tấn, trị giá 57,45 triệu USD, tăng 1,8% về khối lượng và 3,0% về giá trị so với cùng kỳ 2021.

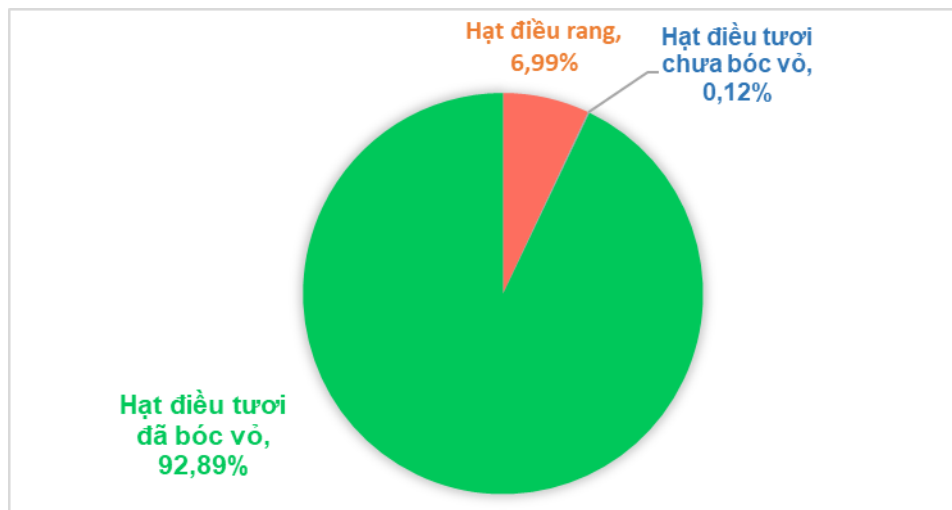
Hình 14. Khối lượng và giá trị xuất khẩu điều sang thị trường ASEAN



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Tháng 10/2022, hạt điều tươi đã bóc vỏ chiếm tỷ trọng chính trong tổng giá trị xuất khẩu điều sang thị trường này (chiếm 92,89%), tăng 31,3% so với tháng trước và giảm 10,7% so với cùng kỳ năm trước. Tiếp đến là hạt điều rang chiếm khoảng 6,99%, hạt điều tươi chưa bóc vỏ là 0,12%.

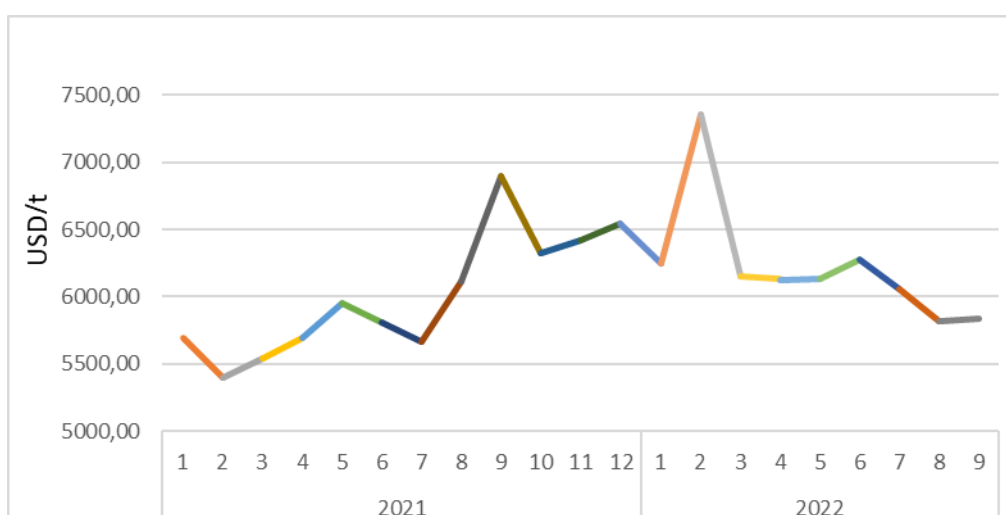
Hình 15. Cơ cấu xuất khẩu hạt điều xuất khẩu sang thị trường ASEAN



Nguồn: Tính toán từ số liệu hải quan

Tháng 10/2022, hạt điều tươi đã bóc vỏ chiếm tỷ trọng chính trong tổng giá trị xuất khẩu điều sang thị trường này (chiếm 92,89%), tăng 31,3% so với tháng trước và giảm 10,7% so với cùng kỳ năm trước. Tiếp đến là hạt điều rang chiếm khoảng 6,99%, hạt điều tươi chưa bóc vỏ là 0,12%.

Hình 16. Giá xuất khẩu trung bình sang thị trường ASEAN



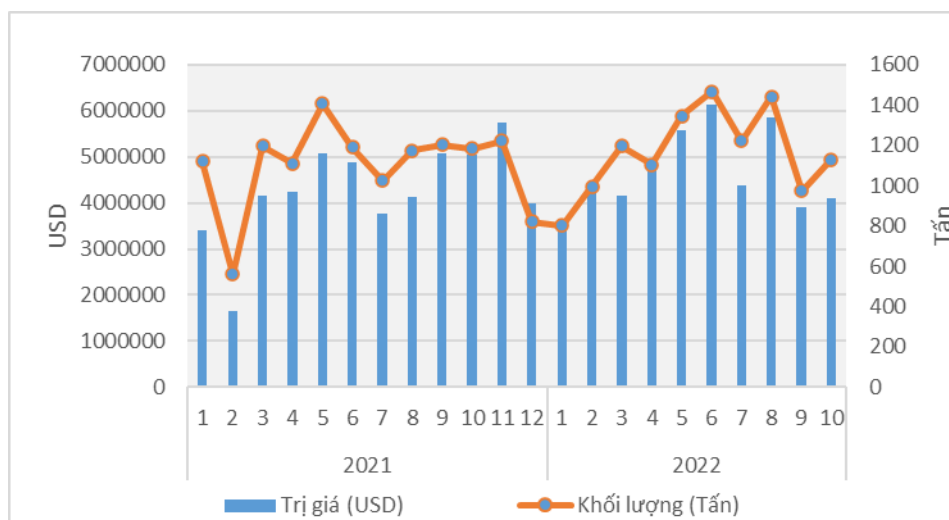
Nguồn: Tổng cục Hải quan

6. HỒ TIÊU

Theo số liệu công bố sơ bộ của Tổng cục Hải quan, xuất khẩu hồ tiêu của Việt Nam sang thị trường ASEAN tiếp tục giảm trong tháng 10/2022, sản lượng xuất khẩu hồ tiêu sang thị trường này đạt 1.129 tấn hồ tiêu với trị giá 4,1 triệu USD, tăng 15,79% về khối lượng và

tăng 4,63% về giá trị so với tháng trước. So với cùng kỳ năm 2021, giảm 4,56% về khối lượng và giảm 18,74% về giá trị.

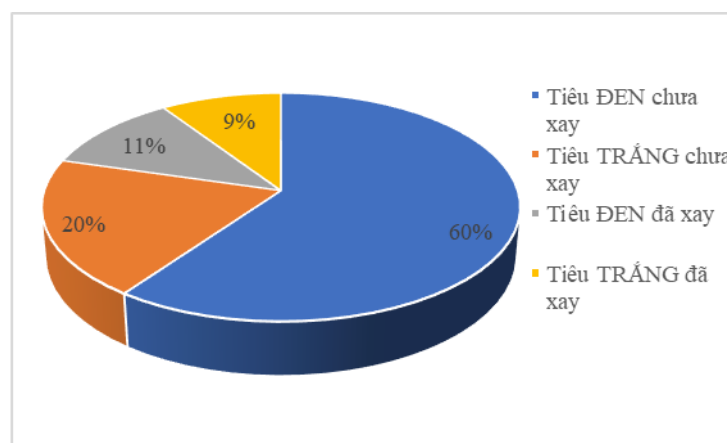
Hình 17. Khối lượng và giá trị xuất khẩu hồ tiêu sang thị trường ASEAN



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 10/2022, hạt tiêu chưa xay vẫn là sản phẩm xuất khẩu chiếm ưu thế tại thị trường ASEAN, trong đó, tiêu đen chưa xay chiếm tỷ trọng cao nhất tới 60% tổng giá trị xuất khẩu tiêu của Việt Nam sang thị trường này, tăng 22,5% so với tháng trước và giảm 19,7% so với cùng kỳ năm 2021. Tiêu trắng chưa xay là sản phẩm chiếm tỷ trọng cao thứ hai với 20%, giảm 3,1% so với tháng trước và giảm 27,3% so với cùng kỳ năm 2021. Hạt tiêu đã xay chiếm 11% là tiêu đen và tiêu trắng là 9% trong tổng giá trị xuất khẩu hồ tiêu sang thị trường này.

Hình 18. Cơ cấu xuất khẩu Hồ tiêu sang thị trường ASEAN tháng 10/2022

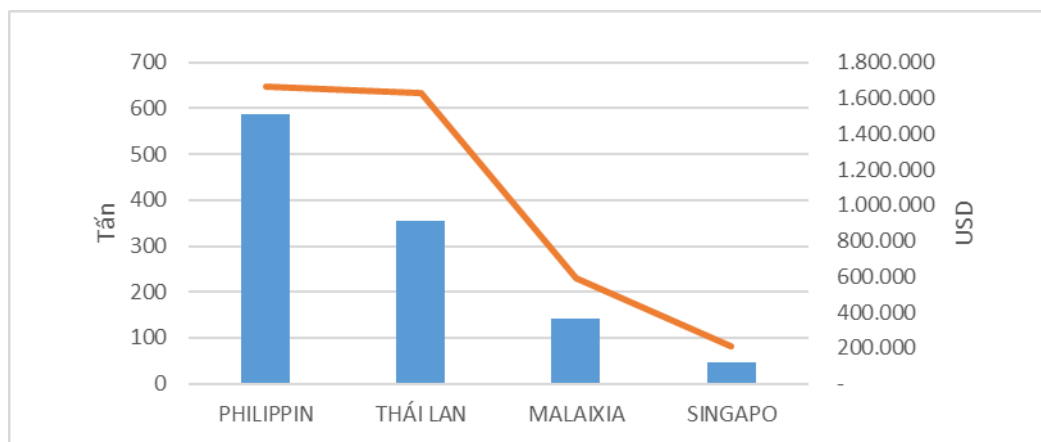


Nguồn: Tính toán từ số liệu hải quan

Tháng 10/2022, Philippin vươn lên dẫn đầu về kim ngạch nhập khẩu hồ tiêu của Việt Nam trong khối ASEAN với 587 tấn, đạt 1,66 triệu USD, chiếm 40,6%. Đứng thứ 2 là Thái Lan với 356 tấn, đạt 1,631 triệu USD (chiếm 39,9%). Tiếp theo là Malaysia và

Singapo đạt lần lượt là 590,264 nghìn USD và 208,9 nghìn USD (chiếm lần lượt 14,4% và 5,1%).

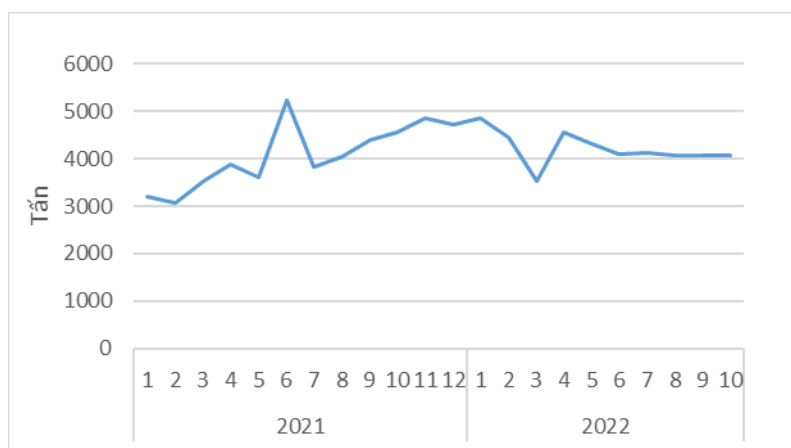
Hình 19. Kim ngạch xuất khẩu hồ tiêu Việt Nam thị trường ASEAN tháng 10/2022



Nguồn: Tính toán từ số liệu hải quan

Giá hồ tiêu xuất khẩu vào ASEAN trong tháng 10/2022 tiếp tục giảm về mức 4.062 USD/tấn, giảm 0,1% so với tháng trước và 10,9% so với cùng kỳ năm 2021.

Hình 20. Giá xuất khẩu hồ tiêu sang thị trường ASEAN

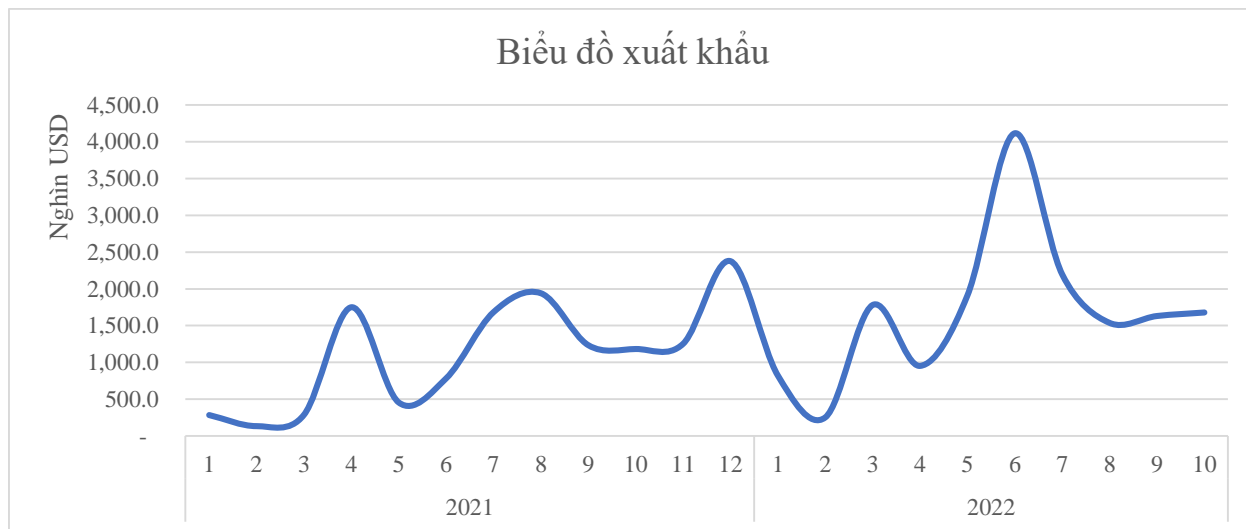


Nguồn: Tổng cục hải quan Việt Nam

Theo Business Mirror, nhập khẩu thịt heo của Philippines ước tăng 20% trong năm nay vì dịch bệnh ở động vật, như dịch ASF, tiếp tục đe dọa sản lượng heo trong nước. Theo đó, lượng thịt heo nhập khẩu của Philippines sẽ đạt 394.000 tấn trong năm 2022, tăng 18% so với ước tính 332.000 tấn được mua vào năm 2021. Philippines cần mua thịt heo từ nước ngoài vì dự báo của FAO cho thấy sản lượng nội địa năm nay sẽ không đủ để đáp ứng nhu cầu thịt heo trong nước. Theo FAO, sản lượng thịt heo của nước này có thể giảm 4% xuống còn 1,139 triệu tấn trong năm 2022 và sẽ không đáp ứng được nhu cầu thịt heo dự kiến trong nước là 1,531 triệu tấn.

Trong tháng 10/2022, tổng giá trị xuất khẩu sản phẩm thịt của Việt Nam sang các nước khu vực ASEAN vẫn tiếp tục đà tăng từ tháng trước đạt 1,68 triệu USD, tăng 2,9% so với tháng trước và tăng 42% so với cùng kỳ năm trước.

Hình 21. Giá trị xuất khẩu thịt và sản phẩm từ thịt sang thị trường ASEAN

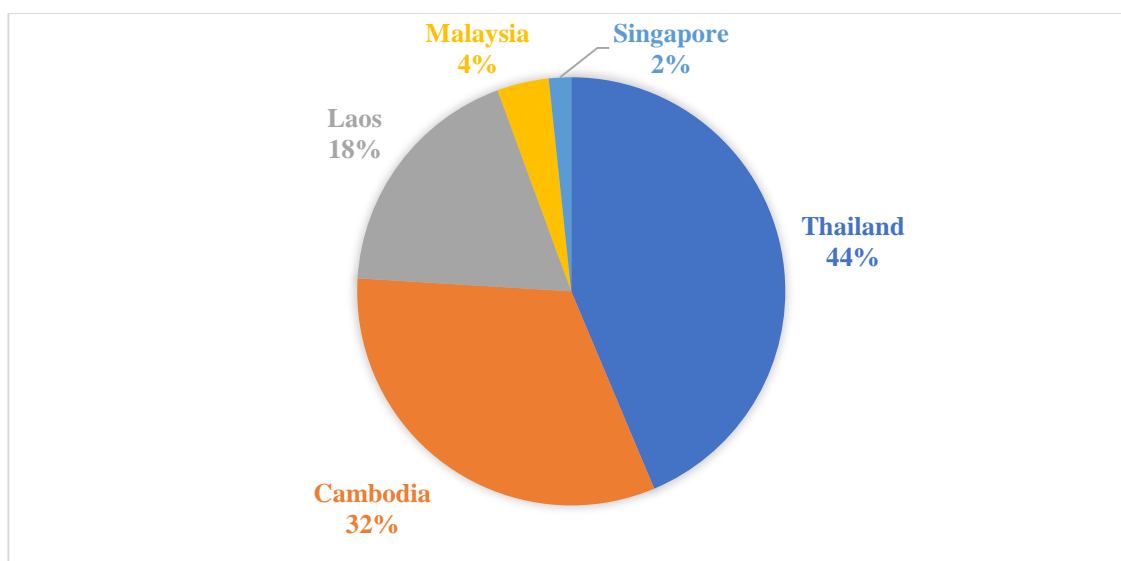


Nguồn: Tổng cục Hải quan

Thịt lợn, tươi, ướp lạnh hoặc đông lạnh là mặt hàng xuất khẩu chính sang thị trường này trong tháng 10/2022 đạt 610,4 nghìn USD, chiếm 36,3% tổng giá trị xuất khẩu, tăng 247,9% so với cùng kỳ năm trước; lợn sống đạt 428,94 nghìn USD, chiếm 25,5%, tăng 1440,4%; gia cầm sống đạt 246,76 nghìn USD, chiếm 14,7% và tăng 650,7%

Trong tháng 10/2022, Thái Lan là thị trường xuất khẩu lớn nhất trong khu vực của Việt Nam đạt 7,3 triệu USD chiếm 43,5% tổng giá trị xuất khẩu; tiếp đến là Campuchia đạt 5,43 triệu USD chiếm 32,2%.

Hình 22. Cơ cấu giá trị xuất khẩu thịt và sản phẩm chăn nuôi sang các nước ASEAN tháng 10/2022



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Về tình hình nhập khẩu, trong tháng 10/2022, Việt Nam nhập khẩu khoảng 14,84 triệu USD sản phẩm thịt và động vật sống từ các nước ASEAN, giảm 4,6% so với tháng trước và giảm 14,3% so với cùng kỳ năm trước. Sản phẩm nhập khẩu nhiều nhất trong tháng 10/2022 vẫn là trâu bò sống chiếm tới 84,5% đạt 12,53 triệu USD; gia cầm sống chiếm 14%, đạt 2,01 triệu USD.

Hình 23. Giá trị nhập khẩu thịt và sản phẩm từ thịt của Việt Nam từ thị trường ASEAN



Nguồn: Tổng cục Hải quan

FAO cho biết Nhập khẩu thịt heo của Philippines trong năm nay có thể tăng 2,71% so với cùng kỳ năm ngoái lên mức kỷ lục 341.000 tấn để giải quyết sự thiếu hụt nguồn cung trong nước do dịch ASF gây ra, FAO cho biết trong một báo cáo triển vọng nửa năm. Bên cạnh đó, lượng heo địa phương của nước này sẽ tăng nhẹ trong năm nay lên 1,192 triệu tấn so với mức 1,118 triệu tấn của năm ngoái. Tổng lượng heo cho giết mổ ước tăng nhẹ lên 1.531 tấn so với 1.518 tấn của năm 2021.

8. THỦY SẢN

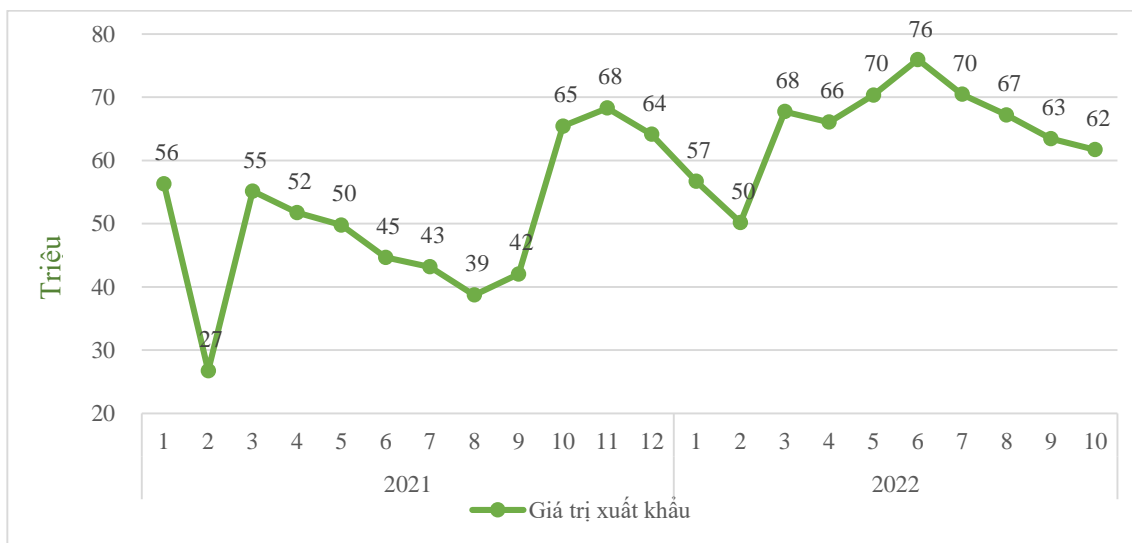
Năm 2022, sản lượng tôm của Thái Lan giảm mạnh do dịch bệnh trên tôm tại các trang trại của nước này bùng phát, gây áp lực lên chính phủ Thái Lan trong việc đảm bảo đủ nguồn cung cho người tiêu dùng trong nước, đồng thời hỗ trợ các nhà sản xuất quy mô nhỏ. Sản lượng tôm của Thái Lan dự kiến sẽ giảm xuống 270 nghìn tấn trong năm 2022, từ mức đỉnh hơn 600 nghìn tấn vào năm 2011. Mặt hàng tôm rất quan trọng đối với xã hội Thái Lan, không chỉ là nguyên liệu chính trong các món ăn địa phương như súp tom yum, mà còn là một động lực kinh tế. Tôm sú và tôm thẻ chân trắng là những mặt hàng xuất khẩu chủ lực của nước này. Tháng 8/2022, chính phủ Thái Lan đã quyết định nhập khẩu khoảng 10 nghìn tấn tôm từ Ecuador và Ấn Độ để đối phó với tình trạng nguồn cung trong nước ngày càng thiếu hụt. Ngoài ra, chính phủ và người nuôi tôm đã đặt ra mức giá tối thiểu được đảm bảo từ 119 - 180 baht (3,16 - 4,75 USD)/kg để hỗ trợ

sản xuất trong nước. Thái Lan đặt mục tiêu sản xuất 400 nghìn tấn tôm mỗi năm sớm nhất là vào năm 2023

Theo Tổng cục Hải quan, giá trị xuất khẩu thủy sản sang thị trường ASEAN tháng 10/2022 đạt 61,7 triệu, giảm 5,7% so với cùng kỳ năm 2021, chiếm 9,1% tổng giá trị xuất khẩu thủy sản của Việt Nam. Tính hết 10 tháng đầu năm 2022, giá trị xuất khẩu thủy sản sang thị trường này đạt 649,7 triệu USD, tăng 37,2% so với cùng kỳ năm trước.

Hình 24. Giá trị xuất khẩu thủy sản sang thị trường ASEAN 2021-2022

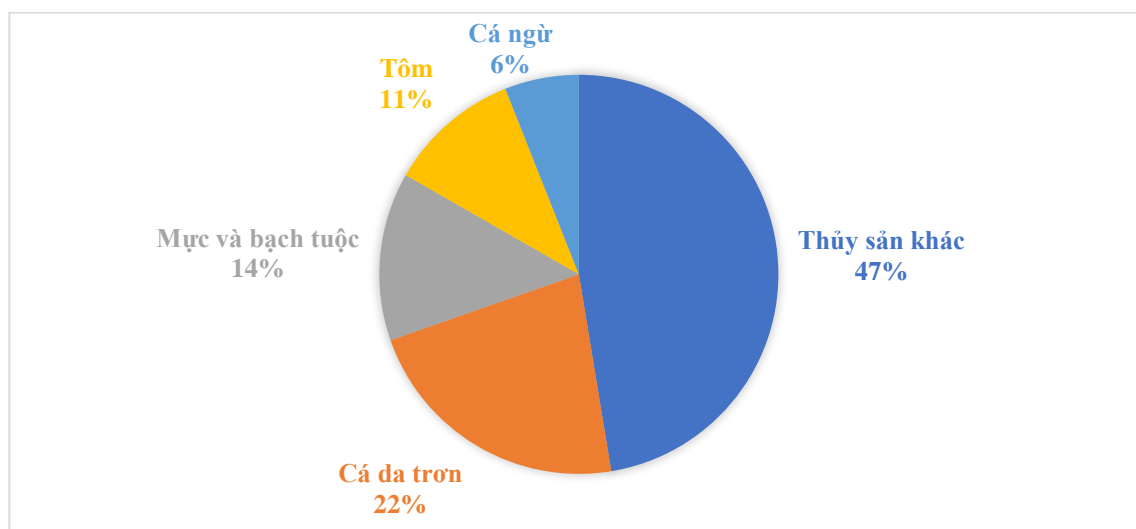
(ĐVT: Triệu USD)



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Cá da trơn là mặt hàng thủy sản tiêu thụ chính tại thị trường này trong tháng 10/2022, chiếm 22,2% giá trị xuất khẩu; mực và bạch tuộc chiếm 13,6%; tôm chiếm 10,7%.

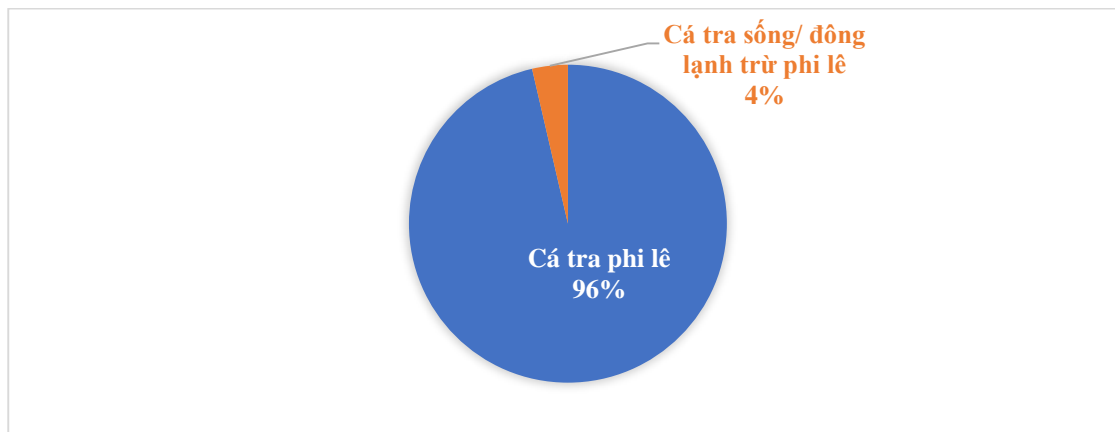
Hình 25. Cơ cấu mặt hàng thủy sản xuất khẩu sang ASEAN tháng 10/2022



Nguồn: Tính toán từ số liệu hải quan

Tháng 10/2022, giá trị xuất khẩu cá da trơn sang thị trường này đạt 13,7 triệu USD, tăng 31,9% so với cùng kỳ năm trước, và giảm 1,9% so với tháng 9/2022. Trong đó, giá trị xuất khẩu cá tra phi lê đạt 13,3 triệu USD, chiếm 96,6% tăng 35,3% so với cùng kỳ năm trước; cá tra sống/đông lạnh trừ phi lê đạt 0,5 triệu USD, chiếm 3,4 %, giảm 17,9%.

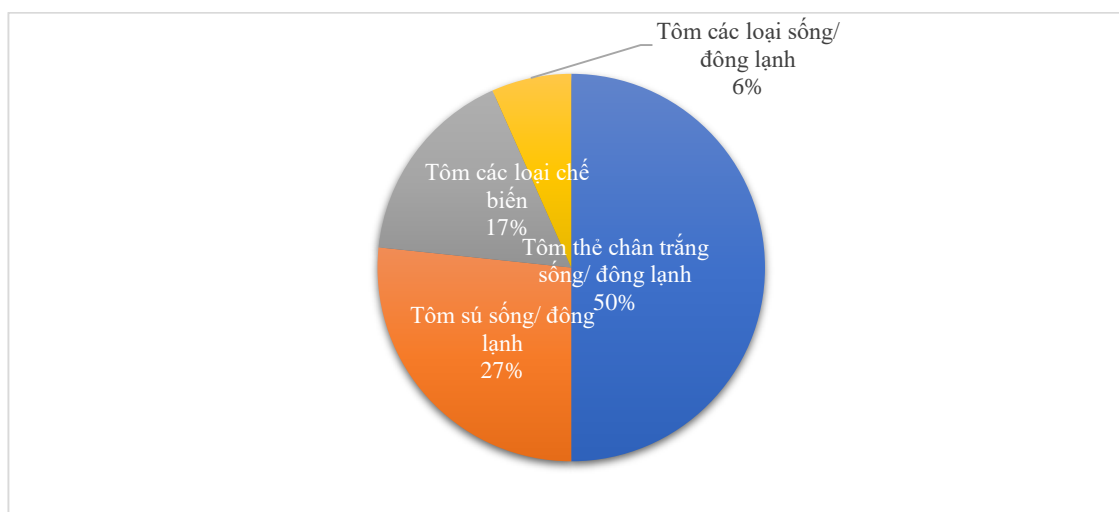
Hình 26. Cơ cấu cá tra xuất khẩu sang thị trường ASEAN tháng 10/2022



Nguồn: Tính toán từ số liệu hải quan

Tháng 10/2022, giá trị xuất khẩu tôm sang thị trường này đạt 6,6 triệu USD. Trong đó, tôm thẻ chân trắng sống/đông lạnh đạt 3 triệu USD, chiếm 45,8% tổng giá trị sản phẩm tôm, tăng 59,9% so với cùng kỳ năm trước; tôm chế biến đạt 1 triệu USD, chiếm 15,8%, giảm 16%; tôm sú sống/đông lạnh đạt 1,6 triệu USD, chiếm 24,8%, tăng 131,4%; tôm các loại sống/đông lạnh đạt 0,4 triệu, chiếm 5,4 %, giảm 24,8%.

Hình 27. Cơ cấu sản phẩm tôm xuất khẩu sang thị trường ASEAN tháng 10/2022



Nguồn: Tính toán từ số liệu hải quan

Một số sản phẩm thủy sản khác xuất khẩu sang thị trường ASEAN tháng 10/2022 như sau: mực và bạch tuộc đạt 8,4 triệu USD, chiếm 13,6% tổng giá trị xuất khẩu thủy sản sang thị trường này, tăng 14,3% so với cùng kỳ năm 2021; cá ngừ đạt 3,7 triệu USD,

chiếm 97,1%, tăng 83,5%; cá rô phi đạt 0,1 triệu USD, chiếm 0,2%, giảm 1,5%; cua ghe đạt 0,2 triệu USD, chiếm 0,2%, giảm tăng 29,5%; thủy sản khác đạt 28,9 triệu USD, chiếm 46,9% và giảm 5,7%.

Giá xuất khẩu cá da trơn bình quân tháng 10/2022 sang thị trường này đạt 2 USD/kg, tăng 20% so với cùng kỳ năm 2021; tôm đạt 6,5 USD/kg, tăng 14,9%; cá rô phi đạt 1,5 USD/kg, giảm 10,2%.

Bảng 1. Giá xuất khẩu một số sản phẩm thủy sản sang thị trường ASEAN tháng 10/2022

TT	Sản phẩm	Giá (USD/kg)	So năm trước (%)	So tháng trước (%)
1	Cá da trơn	1,9	11,2%	-4,1%
2	Cá rô phi	1,8	-31,6%	24,0%
3	Cua, ghe	5,2	-17,1%	-6,5%
4	Mực và bạch tuộc	9,5	14,2%	-0,4%
5	Tôm	7,7	23,3%	18,5%

Nguồn: Tính toán từ số liệu Hải quan

NHẬN ĐỊNH VÀ ĐÁNH GIÁ

1. Lúa gạo

Cơ quan Thu mua Lương thực quốc gia Indonesia cho biết quốc gia này dự định sẽ nhập khẩu 500 nghìn tấn gạo (bên cạnh hoạt động thu mua lúa gạo từ nông dân) cho đến hết năm nay, nhằm bổ sung kho dự trữ lúa gạo của nước này. Chính phủ dự định sẽ thu mua và nhập khẩu đủ 1,2 triệu tấn gạo tính đến thời điểm cuối năm 2022, nhằm đáp ứng đủ nhu cầu an ninh lương thực của nước này vào đầu năm 2023 sắp tới.

Theo Liên đoàn Lúa gạo Campuchia, trong 10 tháng đầu năm 2022, Campuchia đã xuất khẩu được 509,2 nghìn tấn gạo (đã xay xát), tăng 10,6% so với cùng kỳ năm ngoái. Kim ngạch thu được ước khoảng 324 triệu USD và thị trường xuất khẩu là khoảng 56 quốc gia và vùng lãnh thổ. Trung Quốc là thị trường lớn nhất của Campuchia với tỷ trọng khoảng 45% tổng khối lượng xuất khẩu gạo trong 10 tháng đầu năm 2022. Tiếp theo là thị trường EU với tỷ trọng khoảng 35%. Đứng thứ ba là thị trường ASEAN với tỷ trọng 9%. Về chủng loại, 67,2% là gạo thơm, 28,4% là gạo trắng thường, còn lại là các loại gạo đỏ, gạo organic và gạo nếp. Liên đoàn hiện đang đặt mục tiêu Campuchia sẽ xuất khẩu được 800 nghìn tấn gạo (đã xay xát) trong năm 2022. Ngoài gạo xay xát, Campuchia còn xuất khẩu khoảng 2,4 triệu tấn lúa với trị giá 583 triệu USD, điểm đến là các quốc gia láng giềng mà chủ yếu là Việt Nam. Liên đoàn Lúa gạo Campuchia còn cho biết quốc gia này dự kiến sẽ xuất khẩu nhiều gạo hơn sang Trung Quốc trong bối cảnh Hiệp định thương mại Đối tác Kinh tế Toàn diện Khu vực (RCEP) và Hiệp định Thương mại Tự do Campuchia-Trung Quốc đã đi vào hiệu lực.

2. Rau quả

Theo đại diện Thương vụ Việt Nam tại Malaysia chia sẻ tại phiên tư vấn xuất khẩu sang thị trường RCEP do Cục Xúc tiến thương mại (Bộ Công Thương) phối hợp với các Thương vụ Việt Nam tại các thị trường thành viên Hiệp định Đối tác kinh tế toàn diện khu vực (RCEP) tổ chức ngày 8/6/2022, Malaysia đã gỡ lệnh cấm nhập khẩu ớt Việt Nam từ tháng 4-2021. Tuy nhiên, nếu muốn nhập khẩu vào Malaysia thì trái ớt của Việt Nam phải được Bộ Nông nghiệp và PTNT xác nhận các khu canh tác ớt riêng, đủ đáp ứng yêu cầu. Hiện nay, nhu cầu tiêu dùng ớt tại Malaysia và Trung Quốc rất lớn. Các đơn đặt hàng, nhu cầu tiêu thụ đặc biệt sản phẩm ớt đến Thương vụ nhiều nhưng chưa tìm được nguồn cung tại Việt Nam đáp ứng đủ yêu cầu của Malaysia. Do đó các doanh nghiệp và người trồng ớt nên liên hệ với Bộ NN&PTNT để triển khai sớm.

PHỤ LỤC

Bảng 2. Xuất khẩu NLTS của Việt Nam sang ASEAN tháng 10/2022

Sản phẩm	Tháng 10/ 2022 (USD)	Tăng /giảm so T9/2022	Tăng /giảm so T10/2021	Tỷ trọng
Cà phê	29.105.621	-4,26%	-19,30%	7%
Cao su	3.571.424	-15,65%	-40,85%	1%
Chè	1.536.554	84,78%	59,96%	0%
Gạo	161.865.473	52,80%	3,30%	41%
Gỗ và sản phẩm gỗ	21.590.846	20,74%	-8,86%	6%
Hàng rau quả	33.272.052	-24,56%	40,08%	8%
Hàng thủy sản	61.318.585	-2,51%	-5,57%	16%
Hạt điều	6.233.737	31,47%	-1,27%	2%
Hạt tiêu	4.095.186	4,63%	-18,74%	1%
Phân bón các loại	27.722.532	-27,75%	-9,99%	7%
Sản phẩm từ cao su	5.244.423	-0,86%	19,32%	1%
Sắn và các sản phẩm từ sắn	2.563.170	232,60%	1034,27%	1%
Thức ăn gia súc và nguyên liệu	34.034.108	36,71%	1,01%	9%
Tổng	392.153.711	13,91%	-0,11%	100%

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bảng 3. Giá trị xuất khẩu một số mặt hàng gạo sang ASEAN tháng 10/2022

T	Loại sản T phẩm	Tháng 10/2021		Tháng 10/2022		So sánh 2022/2021(%)	
		Khối lượng (tấn)	Giá trị (USD)	Khối lượng (tấn)	Giá trị (USD)	Khối lượng	Giá trị
1	Gạo trắng	193.435	94.403.937	269.983	119.692.429	39,6%	26,8%
2	Gạo thơm	97.106	50.433.602	67.499	32.095.282	-30,5%	-36,4%
3	Các loại gạo khác	29.305	13.884.325	23.005	12.865.533	-21,5%	-7,3%

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bảng 4. Giá trị xuất khẩu một số mặt hàng rau quả sang ASEAN tháng 10/2022

Sản phẩm	Tháng 10/2021	Tháng 10/2022	So sánh 2022/2021
	(USD)	(USD)	
Tổng giá trị XK	26.527.529	45.324.771	70,9%
Sầu riêng	9.871.096	20.732.165	110,0%
Ớt	2.071.661	2.155.051	4,0%
Thanh long	1.117.547	1.428.920	27,9%
Khoai lang	1.998.326	1.176.479	-41,1%
Chuối	591.378	974.320	64,8%
Dừa	2.967.669	956.807	-67,8%
Hạt macca	627.400	645.651	2,9%
Khác	5.397.611	6.064.826	12,4%

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bảng 5. Giá trị xuất khẩu cà phê sang ASEAN tháng 10/2022

Mặt hàng	T10/2021 (USD)	T10/2022 (USD)	So sánh 2022/2021
Chưa rang chưa khử cafein	20.249.889	16.261.034	-19,70%
Cà phê tan	13.433.603	10.742.027	-20,04%
Khác	2.382.535	1.427.554	-40,08%
Đã rang chưa khử cafein	400.310	667.894	66,84%
Đã rang đã khử cafein		1.656	
Tổng	36.466.336	29.100.165	-20,20%

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bảng 6. Xuất khẩu sản phẩm thủy sản sang thị trường ASEAN tháng 10/2022

Loại sản phẩm	Tháng 10/2022 (USD)	Tháng 10/2021 (USD)	So sánh 2022/21(%)
Cá da trơn	13.724.781,4	10.403.054,1	31,9%
Cá nưừ	3.704.885,3	3.985.672,3	-7,0%
Cá rô phi	135.479,9	293.878,8	-53,9%
Cua, ghẹ	202.324,1	370.257,0	-45,4%
Mực và bạch tuộc	8.390.710,2	7.343.943,5	14,3%
Tôm	6.622.850,0	4.050.281,3	63,5%
Thủy sản khác	28.913.207,0	38.974.582,0	-25,8%
Tổng	61.694.237,9	65.421.669,0	-5,7%

Nguồn: Tổng cục Hải quan